

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HS-PT

Ngày: 06/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các thẩm phán:

Bà Bùi Kim Rết

Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Đức Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 300/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thị Y do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 348/2018/HS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Y**, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1998 tại Vĩnh Phúc; Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện tạm trú: khu phố 3, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Phạm Văn Đ, sinh năm: 1976 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979 (còn sống); Họ tên em: Phạm Văn T, sinh năm: 2000; Họ tên em: Phạm Thu H, sinh năm: 2009; Có 01 (một) con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang tại ngoại.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị đơn Đỗ Tất P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn D nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Y và anh Đỗ Tất P cùng làm công nhân tại Công ty Taekwang thuộc Khu công nghiệp Long Bình nên có quen biết và phát sinh quan hệ tình

cảm. Khoảng tháng 03 năm 2018, do Y không thuê được phòng trọ nên anh P đã thuê cho Y phòng trọ số 03 thuộc dãy trọ số 623, tổ 23, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để ở. Khoảng 21 giờ, ngày 18-4-2018, anh P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đỏ đen, biển số 36B5-960.41 đến phòng trọ của Y, lúc này anh P đã say rượu. Khi đến anh P dựng chiếc xe mô tô trên vào trong phòng trọ, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa điện. Tại đây, anh P yêu cầu Y sinh con cho anh P (vì vợ chồng anh P không có khả năng sinh con) nhưng Y không đồng ý, sau đó anh P đi ngủ còn Y giặt quần áo. Sau khi giặt quần áo xong, do không muốn sinh con cho anh P và không muốn tiếp tục ở lại phòng trọ do anh P thuê để về quê Vĩnh Phúc nên Y nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh P. Thực hiện ý định trên, Y thu dọn quần áo và đồ đạc cá nhân của Y sau đó lấy giấy đăng ký xe mô tô 36B5-960.41 trong ví để trong túi quần của anh P đang treo trên giá quần áo rồi dắt chiếc xe mô tô trên ra khỏi phòng trọ, chạy đến một nhà nghỉ (không rõ địa chỉ) tại phường An Bình để nghỉ qua đêm. Sau khi lấy được xe, Y tắt điện thoại và thay đổi số điện thoại để anh P không liên lạc được. Đến sáng ngày 20-4-2018, do cần tiền tiêu xài nên Y đã điều khiển chiếc xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ Văn D tại ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai do anh Lê Văn D làm chủ bán được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) rồi Y đón xe về quê Vĩnh Phúc, số tiền này Y đã tiêu xài hết. Sự việc xảy ra, anh P đến Công an phường Long Bình trình báo. Đến ngày 10-5-2018, Y từ Vĩnh Phúc vào Công ty Takewang để nhận sổ bảo hiểm thì bị công an phường Long Bình mời về làm việc, tại đây Y đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Công an phường Long Bình lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 153/TCKH-HĐĐG ngày 04-6-2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô biển số 36B5-960.41 hiệu Future có giá trị tài sản định giá là 26.550.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 348/2018/HSST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử bị cáo Phạm Thị Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo Phạm Thị Y 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Tất P số tiền 5.000.000đ.

Bị cáo Phạm Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Tất P số tiền 21.550.000đ.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, bị cáo Phạm Thị Y có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo trình bày và giao nộp chứng cứ mới về việc bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền theo bản án sơ thẩm cho bị hại và hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Ngoài ra, bị cáo không giao nộp chứng cứ gì khác.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thị Y tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo mức án 10 (mười) tháng tù là có căn cứ, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp chứng cứ bị cáo đã tự nguyện bồi thường 26.550.000 đồng cho bị hại, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng cho hưởng án treo theo hướng dẫn của Nghị quyết 02 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Y được làm và nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa trong thời hạn phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Y khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 21 giờ ngày 18/4/2018 tại phòng trọ số 03 thuộc dãy nhà trọ số 623, tổ 23, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Phạm Thị Y đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, biển số 36B5-960.41 có giá trị tài sản định giá là 26.550.000 đồng của anh Đỗ Tất P. Với hành vi này, bị cáo Phạm Thị Y bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ gồm có: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được người bị hại làm đơn bãi nại theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Do vậy, mức hình phạt 10 (mười) tháng tù dành cho bị cáo của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và đã có xem xét, cân nhắc đối với bị cáo.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã giao nộp chứng cứ mới về việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 21.550.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) cho bị hại Đỗ Tất P (điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS), bị cáo có ông nội là ông Phạm Thanh S được tặng huy chương kháng chiến, bị cáo hiện nay đang là lao động chính để nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Xét thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể rõ ràng và xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là 10 (mười) tháng tù, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 20 tháng.

[5] Do bị cáo Y đã bồi thường xong cho anh Đỗ Tất P nên sửa về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với anh P. Ngoài ra, cần sửa một số sai sót của bản án như sau: Tại phần quyết định của bản án có tuyên về nghĩa vụ và số tiền bồi thường của Lê Văn D và Phạm Thị Y đối với anh Đỗ Tất P, tuy nhiên lại không áp dụng điều luật, không tuyên trách nhiệm chậm thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường không ghi cụ thể bằng chữ; không tuyên về án phí dân sự sơ thẩm mà Lê Văn D và Phạm Thị Y phải chịu. Bên cạnh đó, tại phần nhận định của bản án đã nhận định bị cáo “*có hai tiền án chưa được xóa án tích*” là không chính xác, tuy nhiên khi cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo đúng quy định pháp luật và nhân thân của bị cáo nên chỉ cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Y. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 348/2018/HS-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Y 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Y cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn D phải thanh toán cho anh Đỗ Tất P số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).
- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho Phạm Thị Y và Lê Văn D.
- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 348/2018/HS-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

Võ Thị Thanh Phụng